

Bản án số: 50/2024/DS-ST
Ngày: 16 - 4 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Du Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Thanh Trần

Ông Trịnh Hữu Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 299/2023/TLST-DS, ngày 20 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trà Hoàng K, sinh năm 1988

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Ông Hà Văn H, sinh năm 1975 và bà Mai Hồng N, sinh năm 1977

Địa chỉ cư trú: Ấp F, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2023 và tại phiên tòa ông Trà Hoàng K trình bày:

Vào ngày 27/8/2022, ông Hà Văn H bà Mai Hồng N vay của ông số tiền 50.000.000 đồng và ngày 20/01/2023 ông H bà N vay tiếp số tiền 30.000.000 đồng, tổng cộng 2 lần vay là 80.000.000 đồng, bà N có làm biên nhận, thời hạn trả tiền vào tháng 3/2023, lãi suất 5%/tháng, bà N là người trực tiếp nhận tiền. Bà N có đóng lãi khoản vay 50.000.000 đồng được đến ngày 20/01/2023 với số tiền 12.500.000 đồng, từ đó đến nay không trả vốn và không trả lãi. Ông K cầu bà N,

ông **trả** tiền vốn 80.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 20/01/2023 đến 16/4/2024 là 80.000.000 đồng x 1,66% x 15 tháng, 15 ngày = 20.584.000 đồng.

- *Tại biên bản ghi lời khai đương sự ngày 15/12/2023 và tại phiên tòa bị đơn ông **Hà Văn H** trình bày:*

Ông **K** bày ngày 27/8/2022 ông và bà **N** vay số tiền 50.000.000 đồng và ngày 20/01/2023 vay 30.000.000 đồng, tổng cộng là 80.000.000 đồng, yêu cầu ông và bà **N** phải trả 80.000.000 đồng và tiền lãi ông không đồng ý vì ông thường xuyên đi biển dài hạn nên số tiền thiếu ông **Kông** không biết, không biết bà **N** có vay hay không ông không hay và bà **N** không thông báo cho ông về số tiền này, ông cũng không có trực tiếp gặp ông **Kđề** vay tiền lần nào, ông xác định đây là nợ riêng của bà **Nnên** bà **N** có trách nhiệm trả và hiện tại ông và bà **N** đã ly hôn.

- *Tại phiên tòa bà **Mai Hồng N** trình bày:* Bà có vay tiền của ông **K** lần với tổng số tiền là 80.000.000 đồng, mục đích vay tiền để chi xuất trong gia đình, số tiền này bà vay không có nói cho ông **H biết**, lãi suất thỏa thuận là 15%, tính lãi suất ngày, bà có đóng lãi cho ông **K rất** nhiều, 10 ngày bà đóng một lần nhưng không nhớ là đóng thời gian bao lâu và bao nhiêu tiền, bà đồng ý trả số tiền 80.000.000 đồng tiền vốn và xin ông **Kgiảm** ½ tiền lãi.

- *Ông **K** trình bày:* Không phải lãi suất ngày và 15% như bà **N trình** bày, ông đồng ý giảm ½ tiền lãi cho bà **N**, ông **H**

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật **tổ** tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật **tổ** tụng của những người tham gia **tổ** tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ **tổ** tụng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ **Luật dân** sự và các Điều 27, Điều 37 Luật **hôn** nhân và **gia** đình, tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **K buộc** ông **H** và bà **N** trả cho ông **K** tiền vốn là 80.000.000 đồng và tiền lãi là 0,83% tính từ thời điểm 20/01/2023 đến 16/4/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục **tổ** tụng: Tranh chấp giữa ông **Trà Hoàng K** với ông **Hà Văn H** và bà **Mai Hồng N** là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ **Luật tổ** tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung:

Ông **K** xác định ông **H bà N** có vay của ông 2 lần vào ngày 27/8/2022 vay số tiền 50.000.000 đồng và ngày 20/01/2023 vay số tiền 30.000.000 đồng, tổng cộng 2 lần vay là 80.000.000 đồng là có thật, ông **K chứng** minh bằng biên nhận mượn tiền đề ngày 27/8/2022 nội dung thể hiện bà **N** có nợ ông **K** số tiền 50.000.000 đồng và biên nhận mượn tiền đề ngày 20/01/2023 nội dung thể hiện bà **N** có nợ ông **K** số tiền 30.000.000 đồng và cũng được bà **N** thừa nhận có nợ ông **K** số tiền 80.000.000 đồng chưa trả và đồng ý trả cho ông **K**.

Về lãi suất: Ông **K yêu** cầu tính lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 20/01/2023 đến ngày 16/4/2024 là 15 tháng 15 ngày, cụ thể như sau: 80.000.000 đồng x 1,66% x 15 tháng, 15 ngày = 20.584.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ông **K đồng** ý giảm cho bà **N** ông **H** ½ tiền lãi và yêu cầu ông **H bà N** trả tiền lãi là 10.292.000 đồng.

Tổng cộng ông **K yêu** cầu bà **N**, ông **H trả** số tiền là 90.292.000 đồng.

Đối với ông **H xác** định số tiền vay của ông **K**, ông không biết, ông không đồng ý trả, tại phiên tòa bà **N** xác định vay tiền để sử dụng mục đích trong gia đình và tại thời điểm vay tiền ông **H và** bà **N** còn là vợ chồng chung sống với nhau và phải chịu trách nhiệm liên đới của vợ, chồng và việc vay tiền này nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên ông **H có** nghĩa vụ cùng trả nợ với bà **N** cho ông **K**

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh, chấp nhận yêu cầu của ông **K là** có căn cứ chấp nhận.

Do đó buộc ông **H bà N** trả cho ông **K số** tiền là 90.292.000 đồng.

[3] Về án phí:

Yêu cầu của ông **K** được chấp nhận nên không phải chịu án phí, **Hoàn** trả lại cho ông **K tiền** tạm ứng án phí số tiền 2.299.000 đồng.

Án phí có giá ngạch trên số tiền ông **Hà Văn H** và bà **Mai Hồng N** phải chịu 4.514.600 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật **Tổ** tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật **dân** sự;

Áp dụng các Điều 27 và Điều 37 Luật **hôn** nhân và **gia** đình;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, **miễn**, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trà Hoàng K về việc yêu cầu ông Hà Văn H và bà Mai Hồng N trả tiền vay.

- Buộc ông Hà Văn H và bà Mai Hồng N trả cho ông Trà Hoàng K số tiền là 90.292.000 (chín mươi triệu hai trăm chín mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày ông K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H và bà N chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì ông H và bà N còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Ông Trà Hoàng K không phải chịu án phí, ông K đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 2.299.000 (Hai triệu hai trăm chín mươi chín nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001039 ngày 20/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, trả lại cho ông K.

Án phí có giá ngạch ông Hà Văn H và bà Mai Hồng N phải chịu 4.514.600 (Bốn triệu năm trăm mười bốn nghìn sáu trăm) đồng.

Án xử sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND tỉnh Cà Mau (1b)
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dư Thanh Nguyễn

